

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH GIA LAI

Biểu số 3

TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TÍNH GIÁN BIẾN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP ĐỢT QUÝ III NĂM 2026

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT  | Họ và tên                             | Được hưởng chính sách |                                                                              |                |                               | Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1.000 đồng) | Bao gồm                                                                                                                            |                        | Lý do tính gián                                          |
|------|---------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|
|      |                                       | Nghỉ hưu trước tuổi   | Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN | Thôi việc ngay | Thôi việc sau khi đi học nghề |                                                | Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư | Ngân sách nhà nước cấp |                                                          |
| A    | B                                     | I                     | 2                                                                            | 3              | 4                             | 5                                              | 6                                                                                                                                  | 7                      | 8                                                        |
|      | CẤP XÃ                                |                       |                                                                              |                |                               | 20.280.962                                     | 364.207                                                                                                                            | 19.916.755             |                                                          |
| I    | Ủy ban nhân dân phường Hoàì Nhơn Đông |                       |                                                                              |                |                               | 1.236.976                                      | -                                                                                                                                  | 1.236.976              |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Mai Văn Lên                           | x                     |                                                                              |                |                               | 629.696                                        |                                                                                                                                    | 629.696                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2    | Dương Thị Thu Thủy                    | x                     |                                                                              |                |                               | 607.280                                        |                                                                                                                                    | 607.280                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| II   | Ủy ban nhân dân phường An Khê         |                       |                                                                              |                |                               | 1.087.152                                      | -                                                                                                                                  | 1.087.152              |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Nguyễn Văn Phước                      | x                     |                                                                              |                |                               | 443.184                                        |                                                                                                                                    | 443.184                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2    | Lương Thị Hồng Chuyên                 | x                     |                                                                              |                |                               | 643.968                                        |                                                                                                                                    | 643.968                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| III  | Ủy ban nhân dân phường Tam Quan       |                       |                                                                              |                |                               | 523.203                                        | -                                                                                                                                  | 523.203                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Nguyễn Thị Kim Cúc                    | x                     |                                                                              |                |                               | 523.203                                        |                                                                                                                                    | 523.203                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| IV   | Ủy ban nhân dân phường An Phú         |                       |                                                                              |                |                               | 699.563                                        | -                                                                                                                                  | 699.563                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Trần Thị Huyền                        | x                     |                                                                              |                |                               | 699.563                                        |                                                                                                                                    | 699.563                | Theo điểm h, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| V    | Ủy ban nhân dân xã Kbang              |                       |                                                                              |                |                               | 409.595                                        | -                                                                                                                                  | 409.595                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Vũ Thị Hải Lư                         | x                     |                                                                              |                |                               | 409.595                                        |                                                                                                                                    | 409.595                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| VI   | Ủy ban nhân dân xã An Hòa             |                       |                                                                              |                |                               | 586.063                                        | -                                                                                                                                  | 586.063                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Nguyễn Đức Thảo                       | x                     |                                                                              |                |                               | 586.063                                        |                                                                                                                                    | 586.063                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| VII  | Ủy ban nhân dân xã Chư Krey           |                       |                                                                              |                |                               | 341.465                                        | -                                                                                                                                  | 341.465                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Nguyễn Thị Ánh Tuyết                  | x                     |                                                                              |                |                               | 341.465                                        |                                                                                                                                    | 341.465                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| VIII | Ủy ban nhân dân phường Diên Hồng      |                       |                                                                              |                |                               | 1.037.364                                      | 364.207                                                                                                                            | 673.157                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Tôn Thất Phước                        | x                     |                                                                              |                |                               | 673.157                                        |                                                                                                                                    | 673.157                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2    | Nguyễn Trọng Hoàng                    | x                     |                                                                              |                |                               | 364.207                                        | 364.207                                                                                                                            |                        | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP   |
| XIX  | Ủy ban nhân dân xã Phú Túc            |                       |                                                                              |                |                               | 1.077.518                                      | -                                                                                                                                  | 1.077.518              |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Rah Lan Riêng                         | x                     |                                                                              |                |                               | 508.531                                        |                                                                                                                                    | 508.531                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2    | Nguyễn Thị Hoàì                       | x                     |                                                                              |                |                               | 568.987                                        |                                                                                                                                    | 568.987                | Theo điểm g, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| X    | Ủy ban nhân dân xã Chư Sê             |                       |                                                                              |                |                               | 568.987                                        | -                                                                                                                                  | 568.987                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Phạm Thị Thúy Vân                     | x                     |                                                                              |                |                               | 568.987                                        |                                                                                                                                    | 568.987                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP   |
| XI   | Ủy ban nhân dân xã Ia Dreh            |                       |                                                                              |                |                               | 621.414                                        | -                                                                                                                                  | 621.414                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Ksor Chroat                           | x                     |                                                                              |                |                               | 621.414                                        |                                                                                                                                    | 621.414                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP   |
| XII  | Ủy ban nhân dân xã Đăk Song           |                       |                                                                              |                |                               | 449.798                                        | -                                                                                                                                  | 449.798                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Huỳnh Văn Tạo                         | x                     |                                                                              |                |                               | 449.798                                        |                                                                                                                                    | 449.798                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP   |
| XIII | Ủy ban nhân dân xã Đê Gi              |                       |                                                                              |                |                               | 324.999                                        | -                                                                                                                                  | 324.999                |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Mai Văn Hương                         | x                     |                                                                              |                |                               | 324.999                                        |                                                                                                                                    | 324.999                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP   |
| XIV  | Ủy ban nhân dân phường Hoàì Nhơn Bắc  |                       |                                                                              |                |                               | 1.865.830                                      | -                                                                                                                                  | 1.865.830              |                                                          |
|      | Khởi sự nghiệp                        |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                          |
| 1    | Vũ Thị Bạch Huệ                       | x                     |                                                                              |                |                               | 648.409                                        |                                                                                                                                    | 648.409                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP   |
| 2    | Trương Tấn Trung                      | x                     |                                                                              |                |                               | 515.911                                        |                                                                                                                                    | 515.911                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP   |
| 3    | Đặng Quốc Tuệ                         | x                     |                                                                              |                |                               | 701.510                                        |                                                                                                                                    | 701.510                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP   |

| STT          | Họ và tên                                | Được hưởng chính sách |                                                                              |                |                               | Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1.000 đồng) | Bao gồm                                                                                                                            |                        | Lý do tính giảm                                        |
|--------------|------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------|
|              |                                          | Nghỉ hưu trước tuổi   | Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN | Thời việc ngay | Thời việc sau khi đi học nghề |                                                | Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư | Ngân sách nhà nước cấp |                                                        |
| <b>XV</b>    | <b>Ủy ban nhân dân xã Ia Rсай</b>        |                       |                                                                              |                |                               | <b>1.180.176</b>                               | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>1.180.176</b>       |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Nay Plik                                 | x                     |                                                                              |                |                               | 588.381                                        |                                                                                                                                    | 588.381                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2            | Nay H'Trim                               |                       |                                                                              | x              |                               | 591.795                                        |                                                                                                                                    | 591.795                | Theo điểm h khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XVI</b>   | <b>Ủy ban nhân dân xã Chư Prông</b>      |                       |                                                                              |                |                               | <b>779.385</b>                                 | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>779.385</b>         |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Huỳnh Thị Hằng                           | x                     |                                                                              |                |                               | 394.920                                        |                                                                                                                                    | 394.920                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2            | Thái Đức Thịnh                           | x                     |                                                                              |                |                               | 384.465                                        |                                                                                                                                    | 384.465                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XVII</b>  | <b>Ủy ban nhân dân xã Chư Pưh</b>        |                       |                                                                              |                |                               | <b>372.037</b>                                 | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>372.037</b>         |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Nguyễn Hữu Thanh                         | x                     |                                                                              |                |                               | 372.037                                        |                                                                                                                                    | 372.037                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XVIII</b> | <b>Ủy ban nhân dân xã Ia Tôr</b>         |                       |                                                                              |                |                               | <b>1.388.418</b>                               | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>1.388.418</b>       |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Rơ Châm Bler                             |                       |                                                                              | x              |                               | 694.209                                        |                                                                                                                                    | 694.209                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2            | Kpă Der                                  |                       |                                                                              | x              |                               | 694.209                                        |                                                                                                                                    | 694.209                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XIX</b>   | <b>Ủy ban nhân dân xã Vạn Đức</b>        |                       |                                                                              |                |                               | <b>281.332</b>                                 | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>281.332</b>         |                                                        |
|              | <b>Khởi hành chính</b>                   |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Trần Văn Thuận                           |                       |                                                                              | x              |                               | 281.332                                        |                                                                                                                                    | 281.332                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XX</b>    | <b>Ủy ban nhân dân xã Tơ Tung</b>        |                       |                                                                              |                |                               | <b>1.023.345</b>                               | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>1.023.345</b>       |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Nguyễn Thị Trọng                         | x                     |                                                                              |                |                               | 695.669                                        |                                                                                                                                    | 695.669                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2            | Lý Thị Ninh                              | x                     |                                                                              |                |                               | 327.676                                        |                                                                                                                                    | 327.676                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XXI</b>   | <b>Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất</b> |                       |                                                                              |                |                               | <b>435.234</b>                                 | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>435.234</b>         |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Phạm Thị Thu                             | x                     |                                                                              |                |                               | 435.234                                        |                                                                                                                                    | 435.234                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XXII</b>  | <b>Ủy ban nhân dân phường Pleiku</b>     |                       |                                                                              |                |                               | <b>719.048</b>                                 | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>719.048</b>         |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Ông Lâm Quang Lợi                        |                       |                                                                              | x              |                               | 198.701                                        |                                                                                                                                    | 198.701                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2            | Bà Nguyễn Thị Nguyệt                     | x                     |                                                                              |                |                               | 520.347                                        |                                                                                                                                    | 520.347                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XXIII</b> | <b>Ủy ban nhân dân xã An Lão</b>         |                       |                                                                              |                |                               | <b>1.806.072</b>                               | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>1.806.072</b>       |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Ông Nguyễn Văn Ngộ                       | x                     |                                                                              |                |                               | 613.951                                        |                                                                                                                                    | 613.951                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 2            | Bà Lê Thị Hiền                           | x                     |                                                                              |                |                               | 671.836                                        |                                                                                                                                    | 671.836                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| 3            | Bà Nguyễn Thị Minh Tâm                   | x                     |                                                                              |                |                               | 520.285                                        |                                                                                                                                    | 520.285                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XXIV</b>  | <b>Ủy ban nhân dân xã Kon Gang</b>       |                       |                                                                              |                |                               | <b>432.016</b>                                 | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>432.016</b>         |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Nguyễn Thị Tuyền                         | x                     |                                                                              |                |                               | 432.016                                        |                                                                                                                                    | 432.016                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XXV</b>   | <b>Ủy ban nhân dân xã Ia Đơk</b>         |                       |                                                                              |                |                               | <b>641.414</b>                                 | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>641.414</b>         |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Hồ Sỹ Lưu                                | x                     |                                                                              |                |                               | 641.414                                        |                                                                                                                                    | 641.414                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |
| <b>XXVI</b>  | <b>Ủy ban nhân dân xã Ia Hrú</b>         |                       |                                                                              |                |                               | <b>392.557</b>                                 | <b>-</b>                                                                                                                           | <b>392.557</b>         |                                                        |
|              | <b>Khởi sự nghiệp</b>                    |                       |                                                                              |                |                               |                                                |                                                                                                                                    |                        |                                                        |
| 1            | Nguyễn Đình Huyền                        | x                     |                                                                              |                |                               | 392.557                                        |                                                                                                                                    | 392.557                | Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP |